

Số: 07/QĐ-CTHADS

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán NSNN năm 2024

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự; Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 62/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2879/QĐ-BTP ngày 06/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 2898/QĐ-BTP ngày 06/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc sửa đổi Quyết định thành lập Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-CTHADS và số 06/QĐ-CTHADS ngày 05/01/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán NSNN năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố và thủ trưởng đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Tổng cục THADS (để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục THADS;
- Trang tin điện tử Cục;
- Lưu: VT, KT, VP(niên yết).





ĐU TOÀN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHẦN BÒ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 07/QĐ-CTHADS ngày 14 tháng 01 năm 2024)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục THADS	Chi cục THADS Thành phố	Chi cục THADS Minh Long	Chi cục THADS Lý Sơn	Chi cục THADS Sơn Tây	Chi cục THADS Ba Tư	Chi cục THADS Trà Bồng	Chi cục THADS Sơn Tinh	Chi cục THADS Bình Sơn	Chi cục THADS Tư Nghĩa	Chi cục THADS Mộ Đức	Chi cục THADS Nghĩa Hành	Chi cục THADS Đức Phổ	Chi cục THADS Sơn Hà
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	3	4=5+.18	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Số thu phí, lệ phí	4.970.000	4.970.000	325.000	3.098.000	22.000	40.000	2.000	4.000	8.000	92.000	410.000	145.000	51.000	66.000	622.000	85.000
	1 Lệ phí		0														
	2 Phí thi hành án	4.970.000	4.970.000	325.000	3.098.000	22.000	40.000	2.000	4.000	8.000	92.000	410.000	145.000	51.000	66.000	622.000	85.000
II	Chi từ nguồn phí được để lại	2.733.500	2.733.500	178.750	1.703.900	12.100	22.000	1.100	2.200	4.400	50.600	225.500	79.750	28.050	36.300	342.100	46.750
	1 Chi sự nghiệp		0														
	a Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0														
	b Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.733.500	2.733.500	178.750	1.703.900	12.100	22.000	1.100	2.200	4.400	50.600	225.500	79.750	28.050	36.300	342.100	46.750
III	Số phí lệ phí nộp ngân sách	1.242.500	1.242.500	81.250	774.500	5.500	10.000	0.500	1.000	2.000	23.000	102.500	36.250	12.750	16.500	155.500	21.250
	1 Lệ phí		0														
	2 Phí thi hành án	1.242.500	1.242.500	81.250	774.500	5.500	10.000	0.500	1.000	2.000	23.000	102.500	36.250	12.750	16.500	155.500	21.250
B	Dự toán chi ngân sách	28.182.081	28.182.081	5.961.553	4.252.888	1.126.893	1.293.173	1.173.100	993.996	1.360.825	1.956.771	2.170.061	1.700.952	1.591.379	1.517.152	1.990.518	1.092.820
I	Nguồn ngân sách trong nước	28.182.081	28.182.081	5.961.553	4.252.888	1.126.893	1.293.173	1.173.100	993.996	1.360.825	1.956.771	2.170.061	1.700.952	1.591.379	1.517.152	1.990.518	1.092.820
	1 Chi quản lý hành chính	28.182.081	28.182.081	5.961.553	4.252.888	1.126.893	1.293.173	1.173.100	993.996	1.360.825	1.956.771	2.170.061	1.700.952	1.591.379	1.517.152	1.990.518	1.092.820
	1.1 Kinh phí thực hiện chế độ tự chi	27.203.924	27.203.924	5.563.691	4.105.503	1.110.513	1.282.143	1.162.800	974.606	1.344.765	1.907.213	2.102.361	1.676.237	1.577.364	1.468.782	1.876.211	1.051.735
	1.2 Kinh phí không thực hiện chế độ tự chi	978.157	978.157	397.862	147.385	16.380	11.030	10.300	19.390	16.060	49.558	67.700	24.715	14.015	48.370	114.307	41.085
	2 Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		0														
	3 Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		0														
	1.1 Kinh phí thực hiện chế độ tự chi		0														
	1.2 Kinh phí không thực hiện chế độ tự chi		0														
II	Nguồn vốn viện trợ		0														
III	Nguồn vay nợ nước ngoài		0														



Chương: 014

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 07/QĐ-CTHADS ngày 11 tháng 01 năm 2024)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	5
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	325,000
1	Lệ phí	
2	Phí thi hành án	325,000
II	Chi từ nguồn phí được để lại	178,750
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	178,750
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	178,750
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí lệ phí nộp ngân sách	81,250
1	Lệ phí	
2	Phí thi hành án	81,250
B	Dự toán chi ngân sách	5.961,553
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.961,553
1	Chi quản lý hành chính	5.961,553
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.563,691
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	397,862
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	